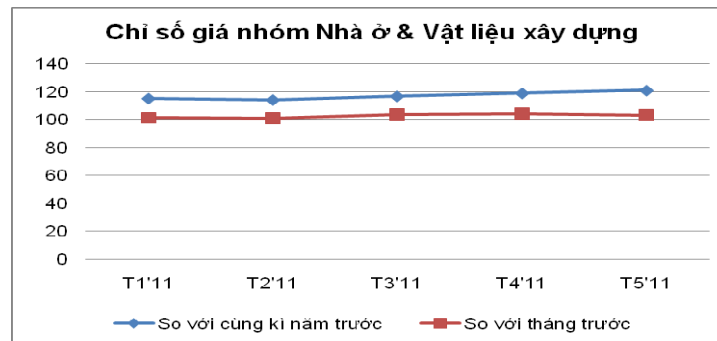


CẬP NHẬT NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG 1H11

Ngành vật liệu xây dựng 5 tháng đầu năm 2011

Từ đầu năm 2011, trước những biến động của kinh tế vĩ mô, giá cả các loại VLXD cũng rục rịch tăng giá. Các sản phẩm chủ yếu: xi măng tăng 60.000 – 100.000 VND/tấn (khoảng 10%) và thép tăng khoảng 10% kéo theo các mặt hàng khác cũng có biến động. Giá các loại vật liệu nhựa tăng khoảng 30% so với cùng kì 2010. Giá gạch, ngói và cát đã tăng 10% so với cuối năm 2010.

Chỉ số giá của nhóm hàng Nhà ở và Vật liệu xây dựng tăng liên tục qua các tháng từ đầu năm đến nay.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Mặc dù vật liệu xây dựng trong nước đang ở tình trạng dư cung nhưng giá vẫn tăng với lý do chi phí sản xuất tăng. Bước sang năm 2011, nhiều yếu tố vĩ mô bất lợi tác động xấu đến các doanh nghiệp sản xuất: mặt bằng lãi suất tiếp tục ở mức cao, tỷ giá được điều chỉnh tăng 9,3%, giá điện, giá than được điều chỉnh theo cơ chế thị trường và có mức tăng đột biến. Ngoài ra, chi phí vận chuyển tăng cũng là nguyên nhân khiến giá trên thị trường vật liệu xây dựng tăng trong khi giao dịch chậm do thị trường bất động sản trầm lắng.

Một số diễn biến chính trong ngành

Xi măng:

Sản xuất và tiêu thụ:

Theo thống kê của Bộ Xây dựng, 5 tháng đầu năm, cả nước sản xuất khoảng 24,7 triệu tấn xi măng, tương ứng tăng 9,1% so với 5 tháng đầu năm 2010. Tuy nhiên trong tháng 5/2011 sản lượng xi măng chỉ đạt 5,8 triệu tấn, giảm 12,1 triệu tấn so với tháng 4. Sản lượng sản xuất xi măng giảm bởi hiện nay một số các nhà máy đang tạm ngưng sản xuất để bảo trì máy móc nhằm phục vụ cho mùa sản xuất sắp tới.

Lượng xi măng tiêu thụ ước đạt 4,75 triệu tấn trong tháng 5 và lũy kế 5 tháng đầu năm 2011 đạt 21,29 triệu tấn, bằng 39,1% kế hoạch năm 2011. Trong đó, sản lượng xuất khẩu 4 tháng đầu năm đạt gần 0,2 triệu tấn xi măng và khoảng 1,6 triệu tấn clinker với giá bình quân ở mức 35 – 37 USD/tấn clinker. Theo dự tính của Hiệp hội xi măng, cả năm 2011, Việt Nam có thể xuất khẩu khoảng 2,5 triệu tấn clinker và 0,3 triệu tấn xi măng.

Giá bán:

Từ trước tới nay, chủ trương chung của ngành xi măng Việt Nam là bình ổn thị trường về giá và nguồn cung để đảm bảo kinh tế vĩ mô. Nhưng sang năm 2011, do những tác động từ kinh tế vĩ mô, ngành chủ trương tăng giá bán bình quân 60.000 – 100.000 VND/tấn. Hiện nay, giá các loại xi măng dao động từ 1,2 – 1,7 triệu đồng/tấn tùy theo chủng loại và khu vực. Nhìn chung, so với sản phẩm của các nước trong khu vực, giá bán của Việt Nam thấp hơn khoảng 20 USD/tấn.

Kết quả hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết (Xem chi tiết số liệu tại Phụ lục)

Ngành xi măng là ngành có đặc thù về quy mô vốn lớn, phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng kinh tế và chịu sự điều tiết của Nhà nước. Hơn nữa, các dự án xi măng thường được đầu tư bằng ngoại tệ, sau thời gian khủng hoảng tài chính, lãi suất ngân hàng tăng, cộng thêm trượt giá nên công tác thu hồi vốn, trả nợ sẽ là một thách thức không nhỏ. Riêng Vicem với bảy dự án đưa vào sản xuất thì trong năm 2011 dự kiến sẽ phải trả khoản nợ khoảng 3.200 tỷ đồng, tương đương đầu tư mới một nhà máy xi măng lớn. Khó khăn cho các doanh nghiệp là khi nhà máy chưa đầu tư xong, thị trường đã chuyển sang giai đoạn dư cung.

Nhìn chung, toàn ngành đang trong tình trạng nợ cao, hiệu suất sử dụng tài sản vẫn đang ở mức thấp. Tổng kết Q1'11, LN ròng toàn ngành sụt giảm 94% nhưng chi phí lãi vay tăng 288% so với cùng kì 2010. Cổ phiếu ngành xi măng vốn khá hấp dẫn nhà đầu tư do cổ tức cao thì hiện có mức thanh khoản thấp, PE ở mức 11x, cao hơn so với mức 9,4x của toàn thị trường. Sự sụt giảm LN xảy ra ngay cả với những doanh nghiệp “đầu tàu” như HT1, BTS, BCC. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp nhỏ, sản xuất có tính chất phục vụ riêng cho một doanh nghiệp – tổng công ty góp vốn lại có chút khởi sắc như TBX – CTCP xi măng Thái Bình, CCM – CTCP khoáng sản và xi măng Cần Thơ. Các doanh nghiệp nhỏ thường hoạt động đa dạng ngành nghề và với sản lượng thấp, chỉ cần có 1 – 2 khách hàng trung thành đã có thể giải quyết khâu tiêu thụ.

Nhựa xây dựng

Đặc thù sản phẩm:

Hiện tại trên thế giới chưa có sản phẩm nào thay thế ống nhựa trong cấp thoát nước và luồn cáp. do đó, sản phẩm nhựa có sự phát triển bền vững, tiềm năng tiêu thụ và không mang tính thời vụ. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, ngành nhựa luôn có tốc độ tăng trưởng cao, từ 15 – 20%/năm. Bên cạnh đó, với đặc điểm kinh tế và khí hậu Việt Nam, nhu cầu nhựa xây dựng sẽ tiếp tục tăng cao trong thời gian tới.

Sản xuất:

Nguyên liệu chính trong sản xuất nhựa là các loại hạt nhựa PE, PP, PVC... là sản phẩm của quá trình hóa dầu – một mảng hiện nay Việt Nam còn yếu kém. Trung bình một năm, ngành cần khoảng 2,2 triệu tấn nhựa nguyên liệu. Trong khi đó, Việt Nam mới chỉ có 3 công ty sản xuất nguyên liệu là Công ty TPC Vina, Công ty Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ và Công ty Formusa Việt Nam, 100% vốn của Đài Loan, cung cấp khoảng 0,45 triệu tấn/năm, tương đương 20 – 30% nhu cầu, ngành nhựa hiện đang phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu. Trong nhóm nguyên liệu, PE là chủng loại nhựa nguyên liệu được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm khoảng 30% khối lượng và 30% giá trị nhập khẩu nguyên liệu nhựa. Sau một thời gian giảm nhẹ từ T5'10 đến T8'10, giá nguyên liệu PE tăng liên tục trở lại từ T8'10 đến nay, đạt mức cao nhất vào T4'11, xấp xỉ 1.660 USD/tấn. Sang T5, mức giá nguyên liệu giảm nhẹ, không đáng kể. Như vậy so với cùng kì 2010, giá nguyên liệu tăng khoảng 10 – 15%. Thêm vào đó là yếu tố biến động tỷ giá khiến cho các doanh

ngành phải chịu thiệt đơn, thiệt kép, làm giảm tỷ lệ lợi nhuận gộp của ngành cũng như đẩy giá bán tăng theo mức giá nguyên liệu.

Thị trường:

Nhóm hàng nhựa xây dựng chiếm khoảng 25% thị phần tổng ngành nhựa, và chịu chi phối bởi hai thương hiệu lớn là BMP – Nhựa Bình Minh và NTP – Nhựa Thiếu niên Tiền Phong. Hai doanh nghiệp chiếm phần lớn thị phần của phân ngành này ở hai miền. Nhựa Bình Minh đã thống lĩnh 50% thị trường miền Nam và khoảng 30% thị phần cả nước. Trong khi đó, Nhựa Tiền Phong có 65% thị phần miền Bắc, 25% thị phần ống nhựa cả nước. Trong khoảng hai năm trở lại đây, hai doanh nghiệp này đã cố gắng mở rộng thị phần khắp cả nước và khu vực Lào – Campuchia.

Kết quả hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết (Xem chi tiết số liệu tại Phụ lục)

Ngành nhựa Việt Nam còn mang nặng tính gia công, manh mún và phân tán. Hiện tại chỉ có 6 doanh nghiệp với tổng số CPLH là 106,37 triệu. Giai đoạn 2010 – 2011 là năm khó khăn cho các ngành sản xuất, đặc biệt đối với các loại vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, nhóm cổ phiếu ngành nhựa đang có những chỉ tiêu tài chính, chỉ tiêu thị trường khá ấn tượng. PE trung bình ngành đang ở mức 5x trong khi EPS trung bình ở mức khá cao, gần 4.000 VND, các chỉ tiêu sinh lợi ROE, ROA ở mức cao và tỷ lệ nợ thấp. Mặc dù chi phí trả lãi tăng cao, nhưng so với Q1'10 các doanh nghiệp vẫn đạt mức tăng trưởng 23%. Dẫn đầu ngành vẫn là 2 tên tuổi lớn: BMP và NTP. Sự cách biệt lớn về vốn đầu tư, công nghệ sản xuất sẽ kéo dài thời gian tồn tại của 2 vị trí này trong tương lai.

Vật liệu xây dựng khác

Nhận xét chung:

Ngoài các loại vật liệu chính, nhóm cát, đá, gạch, v.v. cũng có mức tăng giá đáng kể từ đầu năm 2011. Trên thực tế, nhu cầu đối với nhóm vật liệu này không có mức tăng đột biến và nguồn cung khá dồi dào. Tuy nhiên, giá vật liệu vẫn “tát nước theo mưa”, tăng theo tỷ giá, giá điện, giá than và theo giá các vật liệu chính. Theo nhận định chung cho thấy, thị trường này có xu hướng giá tăng – nhu cầu giảm.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện nhiều sản phẩm mới với ưu điểm như chịu được thời tiết nhiệt đới, tính thẩm mỹ cao, thân thiện với môi trường cho người tiêu dùng nhiều cơ hội lựa chọn. Mặt khác, những cải tiến trong công nghệ xây dựng cũng góp phần làm giảm nhu cầu đối với các loại vật liệu phụ.

Nhận xét về kết quả hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp niêm yết:

Trong nhóm tập trung hầu hết là các doanh nghiệp nhỏ, tính thanh khoản của cổ phiếu rất thấp (trung bình giao dịch 30 ngày chỉ đạt khoảng 5.800 CP). Chỉ có 2 doanh nghiệp có khối lượng niêm yết trên 10 triệu cổ phiếu là TCR và VCS. Tuy nhiên, nếu so sánh với nhóm lớn như xi măng, nhóm này có các chỉ tiêu khá tốt: PE trung bình ở mức 5x, EPS trung bình trên 4.500 VND, các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động ROE và ROA cao hơn trong khi tỷ lệ nợ thấp hơn so với các cổ phiếu xi măng.

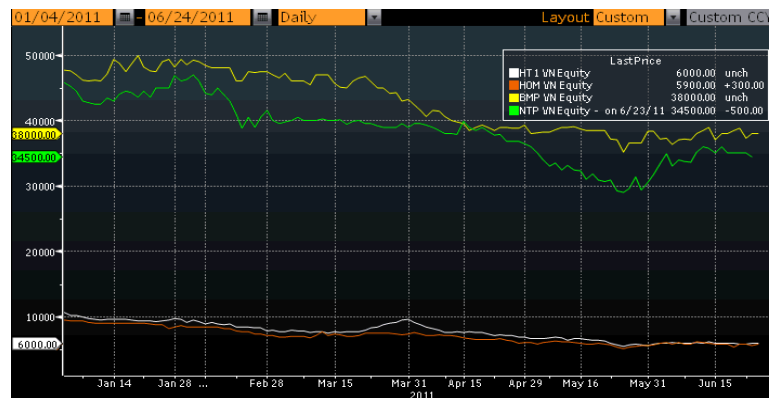
So với Q1'10, trong Q1'11, các doanh nghiệp trong nhóm đã có sự tăng trưởng đáng kể về DT, tăng 26%. Riêng đối với tỷ lệ tăng trưởng LN ròng, tính chung toàn nhóm có mức tăng rất cao, 263%, nhưng thực tế, chủ yếu là do sự tăng trưởng đột biến của TCR, tăng 3.164%, còn lại hầu

hết các doanh nghiệp bị giảm mạnh về LN. Sang Q1'11, TCR đã trả gần hết các khoản nợ ngân hàng, khiến chi phí lãi vay giảm mạnh và lợi thế nguồn nguyên liệu giá rẻ làm giảm giá vốn hàng bán đã khiến lợi nhuận Q1 tăng mạnh.

Các doanh nghiệp “Họ Viglacera” chiếm 8/13 doanh nghiệp niêm yết, với tổng khối lượng niêm yết đạt 32,87 triệu cổ phiếu. Với thương hiệu uy tín lâu năm trên thị trường xây dựng, nhóm Viglacera có mức tăng trưởng doanh thu khá tốt, cao hơn trung bình nhóm. Một số doanh nghiệp như DTC, DTA có mức EPS khá cao, khoảng 9.000 VND. Tuy nhiên, vốn đầu tư của nhóm Viglacera rất thấp, sử dụng nợ nhiều, dẫn đến LN sụt giảm nghiêm trọng. So với Q1'10 và Q4'10 thì chi phí lãi vay trung bình đã tăng 60 và 74% và LN ròng trung bình tương ứng giảm 51 và 84%. Với tỉ lệ nợ cao như hiện tại, chúng tôi cho rằng tình hình tài chính của của nhóm này khó có thể cải thiện trong 1 – 2 năm tới. Thêm vào đó là tính thanh khoản thấp làm cho cổ phiếu kém hấp dẫn dù đang giao dịch ở mức PE 5 – 6x.

Hoạt động một số doanh nghiệp

- Diễn biến giá một số cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

- CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên – HT1

Là doanh nghiệp có vốn hóa và công suất lớn nhất ngành, tỷ lệ sở hữu của Vicem ở mức 65,95% với tổng công suất 5,5 triệu tấn xi măng/năm. So với nhiều doanh nghiệp trong ngành, HT1 nằm trong vùng tiêu thụ tiềm năng, với một thị trường rộng lớn, có sức phát triển nhanh và là khu vực có mật độ các nhà máy xi măng thấp. Theo thống kê của Vicem và Hiệp hội xi măng, tiêu thụ xi măng ở khu vực phía Nam chiếm trên 30% tổng tiêu thụ và có mức giá cao hơn khu vực phía Bắc khoảng 20 – 25%. Hiện tại, HT1 chiếm khoảng 10% thị phần cả nước và trên 30% thị phần miền Đông Nam Bộ. Công ty đang tiếp tục phát huy thế mạnh, mở rộng thị trường trong nước và thị trường Campuchia.

Năm 2010 là một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển gần 50 năm của HT1 – sáp nhập CTCP xi măng Hà Tiên 2 từ T7'10. Cũng trong năm 2010, HT1 tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án chuyển tiếp và đầu tư các dự án mới:

- Dự án chuyển tiếp: Dự án xi măng Bình Phước, Trạm nghiền và phân phối xi măng phía Nam, Dự án Kiên Long 2 (dự kiến chạy thử từ T10'11), Trạm nghiền Long An

- Dự án khởi công mới: Dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Bình Phước (công suất 3,8 triệu tấn xi măng/năm, dự kiến hoàn thành năm 2014), Xây dựng khu đô thị NM xi măng Bình Phước, Xây dựng hệ thống đường nối vào KCN Phú Hữu (dự kiến hoàn thành T10'11)

Bước sang năm 2011, HT1 tiếp nhận thêm dự án trạm nghiền Cam Ranh từ CTCP xi măng vật liệu xây dựng xây lắp Đà Nẵng. Như vậy, trong khoảng 1 năm qua, HT1 có nhiều biến động về cơ cấu tổ chức cũng như có thêm hàng loạt dự án đang trong giai đoạn đầu tư gấp rút khiến chi phí tài chính tăng mạnh. Chỉ tính riêng chi phí lãi vay Q1'11 đã tăng khoảng 11 lần so với cùng kì 2010. Tính đến Q1'11, HT1 đã có 3 quý lỗ cao liên tiếp mặc dù mức tăng trưởng doanh thu vẫn ở mức cao. Trung bình tăng trưởng so với cùng kì năm trước của 4 quý gần nhất về doanh thu đạt +69% trong khi về lợi nhuận ròng là -169%. Với tình hình kinh tế vĩ mô hiện tại, chúng tôi cho rằng chi phí tài chính của HT1 các quý còn lại trong năm sẽ vẫn ở mức cao như trong Q1, tình trạng lỗ do chi phí tài chính chỉ có thể được cải thiện khi các dự án đi vào hoạt động.

Trước khi sáp nhập, HT1 không có mỏ đá, 100% clinker phải mua ngoài. Khi sáp nhập HT2, được hưởng lợi thế mỏ đá với Kiên Lương (trữ lượng khoảng 140 triệu tấn, đủ phục vụ khoảng 40 năm cho một nhà máy xi măng có công suất 2,4 triệu tấn/năm). Tuy nhiên HT1 vẫn phải mua thêm clinker từ bên ngoài và puzolan từ các khu vực lân cận. Đây cũng là một yếu tố giúp HT1 cải thiện tình hình tài chính trong thời gian tới.

Sản lượng tiêu thụ năm 2010 của HT1 đạt 6 triệu tấn xi măng (khoảng 12% tiêu thụ cả nước), là một con số khá ấn tượng. HT1 phần đầu giành lại vị trí 50% thị phần khu vực miền Đông Nam Bộ, 60% thị phần khu vực Nam Trung Bộ và bắt đầu xâm nhập thị trường Campuchia từ 2011 với 0,2 triệu tấn xi măng. Mặc dù xi măng Việt Nam đã xuất hiện hiện tượng dư cung, nhưng chúng tôi cho rằng với lợi thế quy mô và thương hiệu sẵn có cũng như tiềm năng từ những dự án đang triển khai đem lại, HT1 sẽ có thể thoát khỏi tình trạng khó khăn sau 1 – 2 năm.

- CTCP xi măng Vicem Hoàng Mai - HOM

HOM có lợi thế về mặt nguyên liệu khi sở hữu mỏ đá lớn, có thể khai thác trong 70 năm tới. Nhưng so với các doanh nghiệp trong ngành, HOM có mức vốn đầu tư trung bình, công suất nhỏ 1,5 triệu tấn xi măng/năm và hiện đã sản xuất ở mức 100% công suất. Sản phẩm của HOM chủ yếu tiêu thụ ở khu vực Thanh – Nghệ – Tĩnh và Nghệ An là thị trường trọng điểm, chiếm khoảng 95% sản lượng tiêu thụ. Do tình hình kinh tế vĩ mô chung và nhận định về nhu cầu thị trường, HOM chưa có kế hoạch mở rộng dây chuyền sản xuất. Thay vào đó, HOM phát triển các loại vật liệu xây dựng phụ, mở rộng hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Các dự án mới triển khai và đi vào hoạt động năm 2011:

- Góp vốn thành lập CTCP Bê tông và xây dựng Hoàng Mai, có vốn điều lệ 30 tỷ trong đó HOM chiếm 52%. Dự kiến đi vào hoạt động từ T8'11.
- Tiếp nhận phần vốn góp 810 tỷ đồng từ Xi măng Hải Phòng vào dự án KĐT Vicem tại Vinh, Nghệ An (tương đương 45% vốn). Dự án có quy mô 120 ha và được đánh giá là một dự án tiềm năng.
- Thành lập và đi vào hoạt động Xí nghiệp khai thác mỏ Hoàng Mai.

So với mức trung bình ngành, HOM đang có các chỉ tiêu sinh lợi ở mức tốt: EPS đạt mức trung bình ngành, chi trả cổ tức năm 2010 8% bằng tiền mặt. Tốc độ tăng trưởng DT trung bình của 4 quý gần nhất là 7% nhưng LN ròng tăng trưởng 97%. Hiện tại, cổ phiếu HOM đang được giao dịch với PE ở mức 3,4x và thanh khoản đạt gần 57 nghìn cổ phiếu/ngày (mức trung bình của 30 ngày). Tuy nhiên, là doanh nghiệp nhỏ và không có lợi thế vượt trội so với ngành, chúng tôi cho

rằng HOM không thích hợp cho đầu tư dài hạn. Xét trong ngắn hạn, HOM không thuộc dòng cổ phiếu lịch sử giá tốt, do đó cũng không có tiềm năng trở thành cổ phiếu đầu cơ.

- CTCP Nhựa Bình Minh – BMP

BMP là doanh nghiệp lớn trong ngành với các sản phẩm nhựa dân dụng, chất dẻo công nghiệp. Bên cạnh sản phẩm chính là ống nhựa uPVC, BMP tập trung đẩy mạnh sản xuất sản phẩm ống HDPE cỡ lớn – loại vật liệu thay thế ống gang trong các công trình trọng điểm quốc gia và trước đây vẫn phải nhập khẩu 100%. Với định hướng đó, T12'10, BMP đã chính thức đưa dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE đường kính lớn nhất Việt Nam DN 1.200mm vào sản xuất. Nhà máy đặt tại KCN Phố Nối A – Hưng Yên. Đây cũng là bước tiến mạnh mẽ của BMP ra thị trường phía Bắc. Do có sự đầu tư lớn về công nghệ sản xuất, phát triển theo định hướng phù hợp, BMP có mức tăng trưởng cao trong thời gian qua. Tính trung bình giai đoạn 2006 – 2010, BMP có mức tăng trưởng bình quân năm về DT đạt 28%, LN ròng đạt 42% và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản vào khoảng 30%/năm. Với nguồn vốn lưu động lớn, tỷ lệ nợ thấp, BMP khá an toàn về mặt tài chính. Hiện tại, BMP đang giao dịch ở mức PE 4,5x và EPS trailing đạt 8.210 VND. Tuy nhiên, mức thanh khoản của cổ phiếu khá thấp, mức trung bình 30 ngày chỉ đạt khoảng 11 nghìn cổ phiếu. Với tình hình tài chính hiện tại, chúng tôi cho rằng BMP có thể hoàn thành kế hoạch năm 2011, tiếp tục duy trì mức cổ tức 20% bằng tiền mặt. Chúng tôi cho rằng, BMP là cổ phiếu thích hợp cho mục tiêu đầu tư dài hạn.

- CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong – NTP

Một doanh nghiệp lớn khác trong ngành nhựa là NTP, với hơn 43 triệu cổ phiếu niêm yết, NTP đang là doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn nhất trong nhóm. Với hơn 50 năm hoạt động, NTP đã tạo được uy tín và lợi thế kinh doanh trong ngành hàng nhựa xây dựng với các sản phẩm uPVC, HDPE.... Hiện nay, NTP đang trong giai đoạn đầu tư và hoàn thành các dự án mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với Nhà máy NTP phía Nam, đi vào hoạt động từ cuối 2008, nhà máy tạo lợi nhuận dương từ năm 2010, sớm hơn dự kiến và có nhiều khả năng mở rộng thị phần ở khu vực phía Nam. Đối với việc di dời nhà máy chính, NTP đã di dời một phần từ địa điểm có diện tích 3,2ha ra ngoài thành phố với mặt bằng 13ha, tạo điều kiện mở rộng sản xuất. Cũng trong năm 2010, NTP tiến hành đầu tư nhà máy liên doanh NTP – SMP tại Lào, đây là thị trường với nhiều tiềm năng phát triển, sẽ tạo ra lợi thế kinh doanh trong tương lai cho doanh nghiệp. Những khoản đầu tư này tạm thời khiến cho chỉ số nợ của NTP cao hơn và các chỉ tiêu về khả năng trả nợ thấp hơn so với BMP. Tuy nhiên, so với BMP, NTP là cổ phiếu có tính thanh khoản cao hơn và là doanh nghiệp có các chỉ tiêu sinh lợi, chỉ tiêu hoạt động ROE, ROA cao hơn.

Với định hướng phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển ngành công nghiệp xây dựng của chính phủ, ngành Nhựa và đặc biệt là các sản phẩm nhựa xây dựng được dự báo sẽ có mức tăng trưởng từ 15 – 20% trong năm 2011 và những năm tiếp theo. Với lợi thế thương hiệu và định hướng phát triển thị trường từ sớm, chúng tôi cho rằng, NTP sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt, giữ vững vị trí số 1 trong ngành.

PHỤ LỤC: THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT – NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Mã	Sàn giao dịch	Nhóm chỉ tiêu thị trường					Chỉ số tài chính							Chỉ tiêu qui								
		Vốn hóa thị trường	Số CPLH	Trung bình giao dịch 30 ngày	PE trailing	PB trailing	EPS 2010	EPS trailing	BVPS trailing	D/E hiện tại	D/A hiện tại	ROE	ROA	Q1'11			So với Q1'10			So với Q4'10		
		Tỷ đồng	Triệu CP	CP	Lần	Lần	VND	VND	VND	%	%	%	%	Doanh thu	LNST	CP lãi vay	gDT	gLNST	gCP lãi vay	gDT	gLNST	gCP lãi vay
		Tỷ đồng	Triệu CP	CP	Lần	Lần	VND	VND	VND	%	%	%	%	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%	%	%	%	%	%
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
NHÓM XI MĂNG																						
		235	37,02	22.430	10,25	0,60	1.536	1.667	18.204	187,58	40,34	10,56	4,23	4.379	163	52	24%	-94%	288%	-6%	65%	15%
HOM HNX		389	70	56.790	3,68	0,46	1.511	1.575	12.603	119,98	48,07	11,91	4,66	399	21	25	26%	22%	16%	27%	310%	-5%
BCC HNX		459	96	73.833	12,80	0,43	588	375	11.094	405,87	71,61	5,09	0,99	826	23	96	36%	-47%	520%	7%	200%	na
BTS HNX		742	109	5.703	10,30	0,57	660	660	11.900	268,35	62,46	6,37	1,44	na	na	na	na	na	na	na	na	na
CCM HNX		63	4	19.343	2,34	0,33	6.763	6.763	48.492	79,86	42,78	13,67	8,01	57.919	2.272	na	5%	-71%	na	-2%	9%	na
DXV HOSE		69	10	24.999	10,85	0,60	645	645	11.654	357,87	64,30	22,81	4,31	114	1	na	-7%	48%	na	-30%	-93%	na
HT1 HOSE		1.148	198	34.221	na	0,79	539	(97)	7.342	472,53	73,10	4,03	0,63	1.205	(56)	202	87%	-382%	1153%	-5%	116%	41%
HVX HOSE		93	19	3.314	12,66	0,50	395	395	10.548	-	-	1,27	1,00	199	2	na	134%	64%	na	71%	194%	na
QNC HNX		232	18	47.153	4,60	1,08	3.021	2.740	11.672	508,01	65,42	25,77	3,32	300	11	32	10%	-32%	32%	-34%	-36%	23%
SCC HNX		9	2	2.950	6,35	0,27	(2.301)	788	18.336	-	-	16,38	13,47	8	(2)	na	-39%	-459%	na	-53%	202%	na
SCJ HNX		115	10	11.670	3,26	0,41	4.124	3.615	29.126	39,13	20,16	16,30	8,56	55	4	na	-15%	-54%	na	-25%	-46%	na
SDY HNX		23	5	22.010	7,76	0,13	670	670	41.559	69,21	26,11	0,91	0,26	57	0	na	14%	-85%	na	6%	-97%	na
TBX HNX		23	2	2.813	4,60	1,15	3.169	3.348	13.335	40,54	22,55	24,87	12,80	17	1	0	3%	36%	-20%	-23%	-41%	22%
TSM HNX		28	3	2.190	3,70	0,59	2.594	2.594	16.396	-	-	3,74	2,36	23	2	na	na	na	na	-27%	-13%	na
YBC HNX		93	5	3.240	53,15	1,35	447	365	14.421	348,99	67,29	2,50	0,51	69	2	8	2%	-20%	25%	-21%	188%	-3%
TXM HNX		30	7	26.220	7,48	0,29	208	575	14.578	103,34	41,20	2,84	1,12	111	1	0	56%	-238%	na	19%	24%	na
NHÓM NHỰA XÂY DỰNG																						
		520	17,73	9.076	5,09	1,07	3.999	3.951	17.861	71,11	27,68	22,99	13,91	223	21	3	55%	23%	90%	-5%	0%	294%
NTP HNX		1.517	43	27.577	4,68	2,19	7.209	7.472	15.983	42,05	24,75	47,23	26,02	601	59	6	52%	-17%	81%	6%	-32%	9%
BMP HOSE		1.301	35	11.971	4,54	1,44	7.941	8.210	25.993	1,44	1,25	36,12	30,48	373	58	1	37%	20%	139%	-8%	-28%	1142%
DAG HOSE		149	11	1.281	7,31	1,04	2.127	1.847	13.013	110,23	35,05	16,44	5,96	80	2	na	55%	-54%	na	-16%	81%	na
DNP HNX		27	3	11.663	3,52	0,35	2.213	2.213	21.993	147,47	51,27	9,81	3,73	70	2	na	133%	54%	na	-14%	11%	na
DPC HNX		27	2	993	5,46	0,75	2.886	2.180	15.790	18,50	13,87	16,93	12,72	21	1	0	-5%	-65%	63%	3%	37%	21%
RDP HOSE		104	12	973	5,04	0,63	1.619	1.784	14.393	106,94	39,88	11,43	4,56	191	3	5	61%	198%	76%	1%	-71%	6%
NHÓM VẬT LIỆU KHÁC																						
		146	9,15	5.561	5,09	1,24	4.577	4.557	19.069	157,79	32,00	21,24	10,77	104	6	6	22%	267%	47%	-11%	-61%	40%
Họ Viglacera																						
VIT HNX		94	10	5.393	4,23	0,68	1.585	2.246	13.881	238,33	59,61	15,72	3,35	115	1	10	43%	-131%	65%	-9%	-89%	na
VTX HNX		45	2	3.424	2,74	1,19	7.999	8.178	18.869	21,40	12,25	43,70	23,92	20	3	0	60%	16%	-4%	-6%	-44%	-36%
DTC HNX		65	2	700	3,79	1,78	9.019	8.599	18.304	na	na	na	na	34	1	3	6%	-66%	180%	-38%	-77%	65%
DAC HNX		21	1	43	3,31	0,78	7.257	6.195	26.307	33,27	17,69	29,02	15,05	13	1	0	24%	-60%	43%	-13%	-68%	-42%
HLY HNX		18	1	287	3,42	0,88	5.344	5.344	20.794	30,90	17,90	27,60	16,55	22	1	na	-1%	-60%	na	26%	-11%	na
TLT HNX		77	7	17.343	20,91	4,92	592	526	2.235	937,61	59,57	23,86	1,34	66	(4)	5	14%	14%	27%	-23%	-214%	na
VHL HNX		288	9	3.500	na	1,11	na	na	28.844	112,20	37,87	43,81	13,62	256	5	14	16%	-66%	50%	-20%	-83%	311%
BHV HNX		13	1	610	5,12	0,62	2.540	2.540	21.130	na	na	na	na	na	na	na	na	na	na	na	na	na
Khác																						
CYC HOSE		35	9	4.004	3,03	0,32	1.288	1.288	12.004	120,45	40,01	(9,04)	(3,05)	na	na	na	na	na	na	na	na	na
NHC HNX		36	1	2.307	1,99	0,93	12.059	12.059	25.855	-	-	51,35	41,49	14	2	na	3%	10%	na	-26%	-27%	na
TCR HOSE		296	38	5.810	3,59	0,46	1.686	2.144	16.831	46,55	26,67	10,16	5,47	309	18	4	26%	3164%	-36%	-5%	-38%	-7%
TTC HNX		17	6	26.060	na	na	(1.844)	(1.996)	na	102,75	34,10	(23,14)	(8,36)	58	(3)	na	28%	56%	na	-4%	-55%	na
VCS HNX		898	31	2.817	3,82	1,22	7.392	7.567	23.777	92,21	46,31	20,58	9,06	235	41	7	23%	66%	54%	-2%	39%	-48%

Nguồn: Bloomberg ngày 22/6/2011, Vietstock, HBBS

PHÒNG PHÂN TÍCH**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội****Tầng 4B - 2C Vạn Phúc – Kim Mã – Ba Đình – Hà Nội****Tel: (+84) 04.3.726.2222 - Fax: (+84) 04.3.726.2305****Nguyễn Thị Hồng Nhung**

Số máy lẻ.: 9101

Email: nhungnh@hbbs.com.vn**Ngô Mỹ Chi**

Số máy lẻ.: 9102

Email: chinm@hbbs.com.vn**Nguyễn Thị Hoàng Mai**

Số máy lẻ.: 9105

Email: mainth@hbbs.com.vn**Đỗ Bảo Ngọc**

Số máy lẻ.: 9103

Email: ngocdb@hbbs.com.vn**Trần Hoàng Sơn**

Số máy lẻ.: 9104

Email: sonth@hbbs.com.vn**ĐIỀU KHOẢN MIỄN TRỪ**

Tài liệu này do Công ty Chứng Khoán Habubank (“Habubank Securities”), một công ty con trực thuộc Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Habubank phát hành. Các nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở các thông tin tin cậy, nhưng chúng tôi không có bất cứ cam kết hay đảm bảo gì đối với tính chính xác, hoàn chỉnh của các thông tin trong nghiên cứu này. Các quan điểm mà chúng tôi đưa ra có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này được phục vụ mục đích lưu hành rộng rãi. Tất cả các khuyến nghị đưa ra trong tài liệu này đều không nhằm phục vụ các mục tiêu đầu tư cụ thể, hay nhu cầu riêng của bất kỳ người đọc cụ thể nào. Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, không nhằm thay đổi quyết định của người đọc. Các nhà đầu tư nên được tư vấn về tài chính và pháp luật để ra các quyết định đầu tư. Habubank Securities không chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp phát sinh từ việc sử dụng hoặc liên quan đến tài liệu này theo bất cứ hình thức nào. Tài liệu này không phải là một lời đề nghị hay mời gọi mua bán bất cứ loại chứng khoán nào. Bất kỳ ai muốn biết thêm thông tin, kể cả việc làm rõ bất cứ chi tiết nào trong điều khoản miễn trừ này, hoặc muốn thực hiện giao dịch đối với bất cứ loại chứng khoán nào đã được đề cập trong tài liệu này vui lòng liên hệ với Habubank Securities để được phục vụ.

Tài liệu này là tài liệu bản quyền tác giả của Habubank Securities. Mọi sao chép trích dẫn thông tin phân tích trong tài liệu này phải trích dẫn nguồn từ Công ty Chứng Khoán Habubank.